

Số: 73/2019/QĐST-HNGĐ

YK, ngày 23 tháng 07 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LHÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 103/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 07 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị T sinh năm 1988; địa chỉ xóm 5, xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh K sinh năm 1987; địa chỉ xóm 5, xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện Lhôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 07 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình Lhôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện Lhôn và hoà giải thành ngày 15/07/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện Lhôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình Lhôn giữa:

Chị T và anh K

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con: Chị T và anh K cùng trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Q sinh ngày 01/05/2009 và cháu L sinh ngày 27/04/2014. Chị T và anh K thỏa thuận giao cháu Q cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Q trưởng thành; giao cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu L trưởng thành; các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Q được sống chung với anh K và chị T có quyền được thăm nom, chăm sóc cháu Q; anh K không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc cháu Q.

Anh K có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu L được sống chung với chị T và anh K có quyền được thăm nom, chăm sóc cháu L; chị T không được cản trở anh K trong việc thăm nom, chăm sóc cháu L.

Về tài sản: Chị T và anh K cùng trình bày vợ chồng đã tự giải quyết với nhau, nên chị T và anh K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không vay mượn tại tài sản gì.

Về án phí: Chị T và anh K thỏa thuận chị T nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002073 ngày 04/07/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YK, chị T được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện YK
- UBND xã KT
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Lực